ỦY BAN NHÂN DÂN THANH PHỐ CẦN THƠ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1421 /QĐ-UBND	*Cần Thơ, ngày 06 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế phối hợp giải quyết thủ tục hành chính liên thông trong lĩnh vực đầu tư áp dụng trên địa bàn thành phố Cần Thơ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp giải quyết thủ tục hành chính liên thông trong lĩnh vực đầu tư áp dụng trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng Sở ban ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường thành phố Cần Thơ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- UBND TP (1A);
- VP UBND TP (2B,7);
- Cổng TTĐT TP;
- Lưu: VT, HCC, PV.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vương Quốc Nam

QUY CHẾ
Phối hợp giải quyết thủ tục hành chính liên thông trong lĩnh vực đầu tư áp dụng trên địa bàn thành phố Cần Thơ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1421/QĐ-UBND ngày 06 / 4 /2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định đối tượng, nguyên tắc, nội dung, phương thức, cơ chế và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong việc tiếp nhận, thẩm định, xin ý kiến, trình quyết định và trả kết quả đối với các thủ tục hành chính (TTHC) liên thông trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam đối với dự án đầu tư thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về đầu tư, áp dụng trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

2. Quy chế này không áp dụng đối với:

a) Dự án đầu tư trong các khu công nghiệp, khu chế xuất (thực hiện theo cơ chế, quy trình riêng của cơ quan quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất và quy định pháp luật liên quan);

b) Dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước;

c) Dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP);

d) Dự án thực hiện theo cơ chế đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định pháp luật chuyên ngành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng của Quy chế này là các cơ quan nhà nước có trách nhiệm, thẩm quyền phối hợp, giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam; các cơ quan, đơn vị thuộc Nhà nước có liên quan đến quá trình thẩm định, thẩm tra hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam; các tổ chức, cá nhân ngoài nhà nước có liên quan đến hoạt động đầu tư trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Bảo đảm tập trung, thống nhất, đúng thẩm quyền, đúng trình tự, giải quyết nhanh chóng, kịp thời, thuận tiện, công khai, minh bạch, khách quan, công bằng, bình đẳng; phân định rõ trách nhiệm từng cơ quan, đơn vị.

2. Bảo đảm phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; lấy mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân làm thước đo chất lượng phục vụ.

3. Không làm phát sinh chi phí thực hiện TTHC cho tổ chức, cá nhân ngoài quy định pháp luật.

4. Cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ phải chịu trách nhiệm giải trình về kết quả, tiến độ, nội dung tham mưu thuộc phạm vi nhiệm vụ được giao.

5. Tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam và các Điều ước quốc tế có liên quan đến thực hiện liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký kết hoặc gia nhập.

Điều 4. Nội dung phối hợp

1. Đối với Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố

a) Cho ý kiến chỉ đạo đối với các nội dung phát sinh trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực đầu tư vượt thẩm quyền của cơ quan chủ trì hoặc cần xin ý kiến để thống nhất xử lý theo quy định pháp luật.

b) Xem xét, quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố đối với thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

2. Đối với các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân phường, xã và cơ quan, đơn vị có liên quan

a) Tham gia thẩm định/cho ý kiến đối với các nội dung thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực đầu tư theo quy định của pháp luật.

b) Phối hợp cung cấp thông tin, tài liệu; làm rõ các nội dung phát sinh theo đề nghị của cơ quan chủ trì khi cần thiết để hoàn thiện hồ sơ, bảo đảm cơ sở tham mưu cấp có thẩm quyền quyết định, đúng quy định pháp luật.

Điều 5. Phương thức phối hợp

1. Phối hợp thông qua lấy ý kiến bằng văn bản (kèm hồ sơ điện tử/hồ sơ số hóa theo điều kiện hệ thống).

2. Phối hợp thông qua tổ chức cuộc họp (trực tiếp hoặc trực tuyến) để thống nhất nội dung còn khác nhau hoặc cần làm rõ.

3. Phối hợp thông qua trình báo cáo thẩm định để xin ý kiến, xin quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

4. Trao đổi nghiệp vụ qua hệ thống điện tử, thư điện tử công vụ, điện thoại công vụ phục vụ đôn đốc, làm rõ thông tin; nội dung có tính kết luận vẫn phải thể hiện bằng văn bản hoặc biên bản họp.

Chương II
CƠ CHẾ PHỐI HỢP VÀ THỜI GIAN GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN THÔNG

Điều 6. Cơ chế phối hợp thông qua phương thức báo cáo thẩm định, xin ý kiến của Ủy ban nhân dân thành phố/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố

1. Sở Tài chính lập báo cáo thẩm định, dự thảo văn bản trình và hồ sơ kèm theo, gửi Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố để tham mưu lãnh đạo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định đối với nội dung thuộc thẩm quyền.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý, trình lãnh đạo Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định và theo thời hạn tại Quy chế này.

Điều 7. Cơ chế phối hợp thông qua phương thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, **chậm nhất 02 ngày làm việc**, Sở Tài chính gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị liên quan. Văn bản lấy ý kiến phải:

a) Nêu rõ nội dung đề nghị cho ý kiến;

b) Quy định **thời hạn trả lời** theo Quy chế này;

c) Đính kèm tài liệu/hồ sơ cần thiết (bản giấy và/hoặc bản điện tử).

2. Cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến có trách nhiệm:

a) Tổ chức thẩm định, tham gia ý kiến theo lĩnh vực chuyên ngành/địa bàn quản lý được giao;

b) Trả lời đúng thời hạn, đúng trọng tâm nội dung đề nghị;

c) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố và trước pháp luật về nội dung tham gia ý kiến thuộc phạm vi quản lý nhà nước của đơn vị.

3. Ý kiến tham gia phải cụ thể, rõ ràng, có căn cứ pháp lý, nêu rõ nội dung thống nhất/không thống nhất và **kết luận** theo một trong các mức sau:

a) Thống nhất;

b) Không thống nhất (nêu rõ lý do, căn cứ và đề xuất hướng xử lý);

c) Đề nghị làm rõ/bổ sung (nêu rõ nội dung cần bổ sung, lý do và yêu cầu cụ thể).

4. Xử lý trường hợp quá hạn hoặc ý kiến chưa rõ quan điểm:

a) Hết thời hạn mà cơ quan, đơn vị không có văn bản trả lời và không thông tin lý do chậm trả lời, Sở Tài chính có văn bản đôn đốc; đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét chỉ đạo và gửi Sở Nội vụ theo dõi, tổng hợp phục vụ công tác kiểm tra, đánh giá cải cách hành chính (khi cần thiết). Thời hạn đôn đốc tối thiểu **02 ngày làm việc**.

b) Trường hợp cơ quan, đơn vị có văn bản trả lời nhưng **không nêu rõ quan điểm/kết luận**, Sở Tài chính yêu cầu bổ sung, làm rõ bằng văn bản; thời hạn bổ sung tối thiểu **02 ngày làm việc**.

5. Sau khi thực hiện đôn đốc/yêu cầu bổ sung theo khoản 4 Điều này mà cơ quan, đơn vị vẫn không phản hồi hoặc phản hồi không rõ quan điểm, Sở Tài chính **tổng hợp theo hướng thống nhất chung của các cơ quan, đơn vị tham gia ý kiến và** cơ quan, đơn vị đó chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình.

Điều 8. Cơ chế phối hợp thông qua phương thức tổ chức cuộc họp

1. Sở Tài chính tổ chức cuộc họp trong các trường hợp:

a) Ý kiến các cơ quan còn khác nhau, chưa thống nhất hoặc nhiều nội dung chưa được làm rõ;

b) Theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố hoặc cơ quan có thẩm quyền;

c) Vụ việc phức tạp, có nguy cơ trễ hạn cần trao đổi để thống nhất hướng xử lý.

2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được mời họp không tham dự phải cử đại diện có thẩm quyền. Ý kiến phát biểu của người dự họp phải nêu quan điểm giải quyết vấn đề của cơ quan, đơn vị mình và chịu trách nhiệm đối với ý kiến của mình tại cuộc họp và trước Thủ trưởng đơn vị. Trường hợp không bảo đảm thẩm quyền phát biểu tại cuộc họp, cơ quan, đơn vị phải gửi ý kiến bằng văn bản theo thời hạn Sở Tài chính yêu cầu.

3. Nội dung, diễn tiến, kết luận cuộc họp sẽ được ghi nhận bằng biên bản họp. Các đại diện cơ quan, đơn vị liên quan dự họp có trách nhiệm ký xác nhận vào biên bản họp.

4. Sau cuộc họp, Sở Tài chính có quyền yêu cầu cơ quan, đơn vị ban hành văn bản xác nhận ý kiến/kết luận.

Điều 9. Thời gian lấy ý kiến phối hợp đối với các thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư

Thời gian lấy ý kiến phối hợp và thời gian cơ quan/người có thẩm quyền xem xét, quyết định đối với các thủ tục hành chính liên thông trong lĩnh vực đầu tư trên địa bàn thành phố Cần Thơ được thực hiện như sau:

STT	Thủ tục (tên thủ tục)	Thời gian lấy ý kiến phối hợp (cơ quan, đơn vị liên quan trả lời Sở Tài chính)	Thời gian cơ quan/người có thẩm quyền xem xét, quyết định
1	Chấp thuận nhà đầu tư	07 ngày	03 ngày làm việc
2	Điều chỉnh văn bản chấp thuận nhà đầu tư	07 ngày	03 ngày làm việc
3	Chấp thuận chủ trương đầu tư	07 ngày	03 ngày làm việc
4	Điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư	07 ngày	03 ngày làm việc
5	Điều chỉnh dự án đầu tư đã được cấp GCNĐKĐT và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư	05 ngày	Theo thời hạn giải quyết TTHC đã được công bố/theo quy định hiện hành
6	Điều chỉnh dự án đầu tư khi nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án	07 ngày	03 ngày làm việc
7	Điều chỉnh dự án đầu tư khi nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án là tài sản bảo đảm	07 ngày	03 ngày làm việc
8	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án	07 ngày	03 ngày làm việc
9	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế	07 ngày	03 ngày làm việc
10	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng	07 ngày	03 ngày làm việc

STT	Thủ tục (tên thủ tục)	Thời gian lấy ý kiến phối hợp (cơ quan, đơn vị liên quan trả lời Sở Tài chính)	Thời gian cơ quan/người có thẩm quyền xem xét, quyết định
	đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án để góp vốn vào doanh nghiệp		
11	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án để hợp tác kinh doanh	07 ngày	03 ngày làm việc
12	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư	Không quy định thời hạn lấy ý kiến riêng; thực hiện theo yêu cầu thẩm định khi phát sinh	05 ngày làm việc
13	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đã được cấp GCNĐKĐT và không thuộc diện chấp thuận/điều chỉnh chủ trương đầu tư theo quy định	Không quy định thời hạn lấy ý kiến riêng; thực hiện theo yêu cầu thẩm định khi phát sinh	05 ngày làm việc
14	Gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư	04 ngày	03 ngày làm việc
15	Ngừng hoạt động của dự án đầu tư	03 ngày làm việc	Theo thời hạn giải quyết TTHC đã được công bố/theo quy định hiện hành
16	Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư	03 ngày làm việc	Theo thời hạn giải quyết TTHC đã được công bố/theo quy định hiện hành
17	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư	05 ngày	Theo thời hạn giải quyết TTHC đã được công bố/theo

STT	Thủ tục (tên thủ tục)	Thời gian lấy ý kiến phối hợp (cơ quan, đơn vị liên quan trả lời Sở Tài chính)	Thời gian cơ quan/người có thẩm quyền xem xét, quyết định
			quy định hiện hành
18	Góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài	05 ngày (trường hợp thông thường); trường hợp đặc thù theo quy định hiện hành	Theo thời hạn giải quyết TTHC đã được công bố/theo quy định hiện hành

Điều 10. Nguyên tắc tính thời gian phối hợp và thời gian xem xét, quyết định

1. Thời gian lấy ý kiến phối hợp quy định tại Điều 10 đến Điều 16 của Quy chế này được tính từ ngày làm việc kế tiếp ngày cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến nhận được đầy đủ hồ sơ lấy ý kiến của Sở Tài chính (bằng văn bản giấy/bản điện tử hợp lệ theo hệ thống).

2. Thời gian cơ quan/người có thẩm quyền xem xét, quyết định được tính từ ngày làm việc kế tiếp ngày cơ quan/người có thẩm quyền nhận đủ hồ sơ và báo cáo thẩm định của Sở Tài chính theo quy định.

3. Thời gian quy định tại Điều 10 không bao gồm các khoảng thời gian sau:

a) Thời gian lấy ý kiến các Bộ, ngành Trung ương (nếu phát sinh theo quy định);

b) Thời gian Sở Tài chính yêu cầu nhà đầu tư sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; thời gian nhà đầu tư thực hiện việc sửa đổi, bổ sung;

c) Thời gian lấy ý kiến bổ sung, thời gian tổ chức họp liên ngành để làm rõ nội dung theo yêu cầu thẩm định;

d) Thời gian nhà đầu tư thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định;

đ) Thời gian nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động.

4. Trường hợp hồ sơ, tài liệu lấy ý kiến chưa đầy đủ, chưa rõ nội dung cần xin ý kiến, cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến có trách nhiệm thông báo ngay bằng văn bản để Sở Tài chính hoàn thiện; thời gian phối hợp được tính lại từ khi cơ quan, đơn vị nhận đủ hồ sơ, tài liệu bổ sung.

5. Việc xác định thời điểm "nhận hồ sơ" thực hiện theo một trong hai trường hợp sau:

a) Dấu đến văn bản của cơ quan, đơn vị (đối với hồ sơ giấy);

b) Thời điểm hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính ghi nhận đã chuyển/nhận thành công (đối với hồ sơ điện tử).

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố

1. Tiếp nhận, xử lý hồ sơ trình của Sở Tài chính; tham mưu lãnh đạo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định theo thời gian quy định tại Quy chế này.

2. Trường hợp chưa đủ cơ sở tham mưu do hồ sơ chưa đầy đủ hoặc còn chờ ý kiến cơ quan liên quan, Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm thông tin kịp thời cho Sở Tài chính về tình trạng xử lý và dự kiến kế hoạch giải quyết để Sở Tài chính thông báo nhà đầu tư theo cơ chế một cửa.

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Chủ trì tổ chức thực hiện liên thông: hướng dẫn thủ tục; tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra tính hợp lệ; số hóa, cập nhật luồng xử lý trên hệ thống (nếu có); tổ chức thẩm định, lấy ý kiến và tổng hợp trình cấp có thẩm quyền.

2. Chủ động theo dõi, đôn đốc, tổng hợp ý kiến các cơ quan liên quan; kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố đối với các trường hợp vướng mắc, quá hạn, ý kiến khác nhau hoặc vượt thẩm quyền.

3. Thông báo tiến độ và kết quả giải quyết cho tổ chức, cá nhân; thực hiện trả kết quả theo quy định.

4. Định kỳ (hoặc đột xuất khi cần thiết) tổng hợp tình hình phối hợp, đánh giá các điểm nghẽn; đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng, kỷ luật, kỷ cương hành chính trong giải quyết TTHC.

Điều 13. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân phường, xã và cơ quan, đơn vị liên quan

1. Tổ chức thẩm định và trả lời đúng thời hạn; nội dung trả lời phải rõ quan điểm/kết luận, có căn cứ pháp lý và chịu trách nhiệm về ý kiến thuộc lĩnh vực, phạm vi phụ trách.

2. Chủ động cung cấp thông tin, dữ liệu, tài liệu chuyên ngành khi Sở Tài chính hoặc cơ quan có thẩm quyền yêu cầu để phục vụ giải quyết TTHC.

3. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện quy trình trên hệ thống một cửa điện tử theo quy định; bảo đảm bảo mật thông tin và quản lý hồ sơ.

Điều 14. Theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Quy chế

1. Sở Tài chính là cơ quan đầu mối chủ trì theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Quy chế; tổng hợp các trường hợp chậm trễ, không rõ quan điểm hoặc không phối hợp để báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét chỉ đạo. Quản lý và điều hành toàn bộ quy trình liên thông xuyên suốt quá trình thực hiện.

2. Sở Nội vụ phối hợp (khi cần thiết) trong việc tổng hợp phục vụ đánh giá cải cách hành chính, kỷ luật, kỷ cương hành chính theo chức năng nhiệm vụ được giao.

Điều 15. Điều khoản thi hành

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quy chế này tổ chức triển khai thực hiện; quán triệt đến cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.